

Bản án số: 16/2018/HS-PT

Ngày: 05-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Các thẩm phán: Ông Ngô Quang Dũng.

Ông Bạch Đăng Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi— Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 224/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Trần Văn D1 và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HSST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Trần Văn D1, sinh năm 1981; Nơi cư trú: BCh, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân T1, sinh năm 1957 (đã chết); Con bà: Phạm Thị H1, sinh năm 1954; có vợ Dương Thị Th1, sinh năm 1981 (đã chết); có 1 con sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2011, bị Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang xử phạt 6 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến ngày 24 tháng 5 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cho bảo lãnh, (Có mặt).

2. Lương Văn Đ1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: BĐ, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12 /12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương

Văn T2, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Th2, sinh năm 1961; có vợ Quan Thị Th3, sinh năm 1996 và 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2011, bị Công an huyện YT, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xử phạt 5 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến ngày 24 tháng 5 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cho bảo lãnh, (Có mặt).

3. Cao Đại S1, sinh năm 1984; Nơi cư trú: BĐ, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12 /12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Đại M1, sinh năm 1959 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Th4, sinh năm 1961; có vợ Lương Thị M2, sinh năm 1992 và 03 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2012 bị Công an huyện YT, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 4 năm 2017 đến ngày 20 tháng 5 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cho bảo lãnh, (Có mặt).

4. Hà Minh Qu1, sinh năm 1961; Nơi cư trú ở: BCh, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 8 /10; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn D2, sinh 1931(đã chết) và bà Nông Thị K1, sinh 1932(đã chết); có vợ: Hoàng Thị K2, sinh năm 1961 và 05 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2009, bị Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang xử phạt 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 07 tháng 4 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

5. Lương Văn Kh1, sinh năm 1969; Nơi cư trú: BĐ, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/10; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn S2, sinh 1926 (đã chết) và bà Trần Thị T3 (không xác định được năm sinh, đã chết); có vợ: Triệu Thị Th5, sinh năm 1968 và 05 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1996.

Tiền án: Năm 1996, bị Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 12 năm tù về tội “Giết người”. Chưa thi hành xong phần bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 đến ngày 20 tháng 5 năm 2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cho bảo lãnh, (Có mặt).

6. Hoàng Mạnh T4, sinh năm 1990; Nơi cư trú: BÐ, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Hải Đ2, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2011 bị Công an huyện YT xử lý hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

7. Lương Văn Đ3, sinh năm 1979; Nơi cư trú: BÐ, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 2/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Văn S2, sinh năm 1926 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tr1, sinh năm 1947; có vợ: Nông Thị Kh2, sinh năm 1980 và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2011 bị Công an huyện YT xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 đến ngày 08 tháng 4 năm 2017, được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

8. Nguyễn Văn H2, sinh năm 1972; Nơi cư trú : BÐ, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Vũ Thị Th6, sinh năm 1940; có vợ: Bùi Thị Ph1, sinh năm 1972 và 03 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2010 bị Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử (phúc thẩm) phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29 tháng 3 năm 2017 đến ngày 07 tháng 4 năm 2017, được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

9. Trần Ngọc T6, sinh năm 1985; Nơi cư trú: BÐ, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Mạnh L2, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Đỗ Thị Th7, sinh năm 1956; có vợ: Nguyễn Thị

A1, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2009 bị Tòa án nhân dân huyện YT xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" .

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

10. Nông Văn B1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: BCh, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn M3, sinh năm 1947 và bà Lăng Thị H3, sinh năm 1948; có vợ: Toàn Thị M4, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2011 bị Công an huyện YT xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (Có mặt).

Ngoài ra, còn có 18 bị cáo khác và 10 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không liên quan đến kháng cáo tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 30 phút ngày 29 tháng 3 năm 2017; Tổ công tác Công an huyện YT phát hiện bắt quả tang vụ đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, được thua bằng tiền tại khu vực khe Đốt Mìn thuộc BCh, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Các đối tượng bị bắt giữ gồm:

Nông Văn Ng1, Phạm Văn Th7, Dương Văn C1, Hoàng Văn L3, Phan Văn M5, Mai Ngọc L4, Nguyễn Văn H2. Vật chứng thu giữ gồm: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu tại chiếu bạc 14.350.000đồng (*Mười bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*); 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị được làm bằng đóm tre một mặt trắng một mặt bôi đen, 01 bảng vị, 02 mảnh bạc cũ rách một mặt màu xanh một mặt màu cam đều có kích thước 2,9m x 0.95m; 28 (Hai mươi tám) chiếc ghế nhựa màu đỏ đều có nhãn hiệu "SONG LONG"; 01 điện thoại di động kiểu dáng IPHONE 5S vỏ màu trắng, vàng đồng đã cũ. Thu tại khu vực nơi các đối tượng đánh bạc: 01 đoạn dây trạc màu vàng dài 4,5m, 01 đoạn dây trạc màu vàng dài 4,1m; 14 đôi dép các loại, 05 chiếc giày các loại; 01 túi da màu đen ghi chữ "Chicava" bên trong có: 01 bóng đèn điện màu trắng kiểu dáng LED có dây điện màu đỏ đen được nối với dây điện màu xanh đầu dây có kẹp kim loại, 03 bát sứ con đều in chữ "Cosmos", 01 đĩa sứ in nhãn hiệu Made in China,

01 đoạn tre kích thước 23cm x 4,5cm x 01cm, 01 bút dạ nhãn hiệu "TOKEN'SPEN" mực màu xanh, 01 con dao loại dao bài dài cả chuôi là 42cm bản dao rộng nhất là 5,5cm chuôi dao bằng gỗ, 01 đoạn dây chun màu cam dài 02m, 01 đoạn dây trạc dài 3,5m; 01 bạt màu xanh một mặt màu cam kích thước: 4m x 5m; 01 bao tơ dừa màu vàng ghi chữ DACHAN.

Khám thu trong người Phạm Văn Th8 số tiền 15.700.000 đ (*Mười năm triệu bảy trăm nghìn đồng*), 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO vỏ màu trắng hồng, số imei1: 863897038937699 (đã cũ); Khám thu trong người Hoàng Văn L3 số tiền 62.000 đồng (*sáu mươi hai nghìn đồng*); khám thu trong người Bùi Thị Ph2 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone 6 plus vỏ màu trắng ghi số imei 354387060476291; khám thu trong người Nguyễn Văn H2 số tiền 2.005.000 đồng (*hai triệu không trăm linh năm ngàn đồng*); Khám thu trong người Phan Văn M5 số tiền 7.700.000 đồng (*bảy triệu bảy trăm ngàn đồng*), 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model: RM - 1035 vỏ màu đen đã cũ; Khám thu trong người của Dương Văn C1 số tiền 6.266.000 đồng (*sáu triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*), 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu ghi có số IMEIL 1: 860906031298307 đã cũ, 01 ví da màu đen bên trong có 01 giấy phép lái xe số: 240134009069 mang tên Dương Văn C1, 01 chứng minh nhân dân số 121737644 mang tên Dương Văn C1; Khám thu trong người Nông Văn Ng1 01 điện thoại di động NOKIA 222 vỏ màu đen số seri: 354880081207869, 01 điện thoại di động NOKIA X2 vỏ màu đen có số IMEIL 1: 355497056550185 đã cũ; 01 túi lưới cũ bên trong có: 01 con dao loại dao bài dài cả chuôi 43cm bản dao chỗ rộng nhất 5,5cm chuôi dao bằng gỗ; Kiểm tra trong người Mai Ngọc L4 thu giữ số tiền 12.541.000 đồng (*mười hai triệu năm trăm bốn một ngàn đồng*), 01 điện thoại di động HTC màn hình cảm ứng vỏ màu vàng đồng số IMEI: 990004991007596 đã cũ, 01 mảnh giấy dòng kẻ ngang kích thước 12cm x 9cm một mặt ghi chữ và các con số dòng đầu có ghi "29/3" (Có chữ kí của Mai Ngọc L4 và người chứng kiến).

Trong các ngày từ 30 tháng 3 năm 2017 đến ngày 09 tháng 4 năm 2017 lần lượt các đối tượng Vũ Viết Tr2, Nguyễn Văn H3, Lương Văn Đ3, Lương Văn Kh1, Hà Minh Qu1, Cao Đại S1, Cao Đại N1, Linh Văn Gi1, Lương Văn Đ1, Trần Văn D1, Cao Tiến Tr3, Lương Văn Ph2, Phạm Tài L5, Phạm Minh T7 ra đầu thú.

Cơ quan điều tra triệu tập: Lương Văn H4, Hoàng Mạnh T4, Trần Ngọc T6, Nông Văn B1, Lê Văn L6, Nguyễn Văn M6, Bàn Thị Th9, Triệu Thị Th10. Tại cơ quan điều tra Các đối tượng nêu trên đều khai nhận toàn bộ hành vi đánh

bạc tại khe Đốt Mìn, thuộc BCh, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang ngày 29 tháng 3 năm 2017.

Các đối tượng khai nhận sử dụng số tiền đánh bạc ngày 29 tháng 3 năm 2017 như sau: Đ1 sử dụng 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng), D1 sử dụng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), Kh1 sử dụng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), Phạm Văn Th11 sử dụng 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), H4 sử dụng 3.280.000đ (Ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), Qu1 sử dụng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), C1 sử dụng 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng), L5 sử dụng 1.000.000đ (Một triệu đồng), M5 sử dụng 1.000.000đ (Một triệu đồng), Tr2 sử dụng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), Tr3 sử dụng 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), Hoàng Mạnh T4 sử dụng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), Đ3 sử dụng 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), Bàn Thị Th9 sử dụng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), M6 sử dụng 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), L6 sử dụng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), L3 sử dụng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), Cao Đại N1 sử dụng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), Ph2 sử dụng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), H2 sử dụng 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), T6 sử dụng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), B1 sử dụng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), Gi1 sử dụng 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), Th10 sử dụng 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền chứng minh các đối tượng sử dụng đánh bạc là: 33.750.000đ (Ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Gồm: Số tiền thu giữ tại chiếu bạc là: 14.350.000đ (Mười bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), Lương Văn Đ1 giao nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), Trần Ngọc T6 giao nộp 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng), Cao Tiến Tr3 giao nộp 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), số tiền đánh bạc thu trong người Phạm Văn Th11 15.700.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền đánh bạc thu trong người Phan Văn M5 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng), 1.200.000đ thu của Dương Văn C1 (trong tổng số 6.266.000 đồng đã thu giữ). Mai Ngọc L4 không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã cho Kh1 vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để đánh bạc.

Phạm Minh T7 không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã cho H4 vay số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), cho Kh1 vay 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đồng để H4 đánh bạc.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 39/2017/HSST ngày 09/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh Bắc Giang đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Đ1, Cao Đại S1, Nông Văn Ng1 và Nguyễn Văn H3 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”;

Các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Đ1, Hà Minh Qu1, Lương Văn Kh1, Phạm Văn Th11, Lương Văn H4, Dương Văn C1, Phạm Tài L5, Cao Tiến Tr3, Phan Văn M5, Vũ Viết Tr2, Hoàng Mạnh T4, Lương Văn Đ3, Bàn Thị Th9, Nguyễn Văn M6, Lê Văn L6, Hoàng Văn L3, Cao Đại N1, Lương Văn Ph2, Nguyễn Văn H2, Trần Ngọc T6, Nông Văn B1, Linh Văn Gi1, Triệu Thị Th10, Mai Ngọc L4 và Phạm Minh T7 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 50, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Văn D1 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt: Trần Văn D1 8 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt, bắt Trần Văn D1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến 24 tháng 5 năm 2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 50, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lương Văn Đ1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử Phạt: Lương Văn Đ1: 01 (Một) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt bắt Lương Văn Đ1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 5 tháng 4 năm 2017 đến ngày 24 tháng 5 năm 2017.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 BLHS

Xử phạt: Cao Đại S1 01 (Một) năm 03 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 4 năm 2017 đến ngày 20 tháng 5 năm 2017.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hà Minh Qu1 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 07 tháng 4 năm 2017.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lương Văn Kh1 01(Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 đến ngày 20 tháng 5 năm 2017.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hoàng Mạnh T4: 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lương Văn Đ3 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 đến ngày 08 tháng 4 năm 2017.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn H2: 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 29 tháng 3 năm 2017 đến ngày 07 tháng 4 năm 2017.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Ngọc T6: 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nông Văn B1 05 (Năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên mức hình phạt đối với các bị cáo khác, tuyên xử lý vật chứng, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 20/11/2017, các bị cáo Cao Đại S1, Hà Minh Qu1, Trần Ngọc T6, Nông Văn B1 đều nộp đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo. Các bị cáo Lương Văn Đ1, Nguyễn Văn H2 đều nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/11/2017, bị cáo Hoàng Mạnh T4 nộp đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 23/11/2017, các bị cáo Lương Văn Đ3, Lương Văn Kh1, Trần Văn D1 đều nộp đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Nguyễn Văn M6 kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo Trần Văn D1 kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 24 tháng tù là nặng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo không có tình tiết gì mới.

Bị cáo Lương Văn Đ1 kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 27 tháng tù là nặng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ông bị cáo có công với nước, bố bị cáo có bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng.

Bị cáo Cao Đại S1 kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử bị cáo 15 tháng tù là nặng. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, trong quá trình xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp tiền án phí.

Bị cáo Hà Minh Qu1 kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử bị cáo 14 tháng tù là nặng, bị cáo là người có tiền sử bệnh lao và phế quản, sức khỏe yếu, có ông nội là người có công với nước, bố bị cáo có huân chương nhưng đã bị mất, bị cáo không tìm thấy.

Bị cáo Lương Văn Kh1 kháng cáo với lý do: Bị cáo thấy mức án mà bản án sơ thẩm tuyên là nặng, bị cáo đánh bạc lần đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Hoàng Mạnh T4 kháng cáo với lý do: Bị cáo thấy án sơ thẩm xử phạt như vậy là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Lương Văn Đ3 kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 tháng tù giam là nặng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, bị cáo phạm tội lần đầu và lao động duy nhất.

Bị cáo Nguyễn Văn H2 kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 05 tháng tù giam là nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo có ông nội và bố có huân huy chương, bị cáo phạm tội lần đầu xin được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Ngọc T6 kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử bị cáo 05 tháng tù là nặng. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo xin được hưởng án treo vì bị cáo có ông bà và bố là người có công với cách mạng.

Bị cáo Nông Văn B1 kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử bị cáo 05 tháng tù là nặng. Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ già, con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M6 đã có đơn xin rút kháng cáo vào ngày 02/02/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M6.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án đối với tất cả các bị cáo, các bị cáo phải chịu án phí HSPT.

Các bị cáo không có tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Đ1, Cao Đại S1, Hà Minh Qu1, Lương Văn Kh1, Hoàng Mạnh T4, Lương Văn Đ3, Nguyễn Văn M6, Nguyễn Văn H2, Trần Ngọc T6, Nông Văn B1 đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M6 đã có đơn xin rút kháng cáo vào ngày 02/02/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M6.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Đ1, Cao Đại S1, Hà Minh Qu1, Lương Văn Kh1, Hoàng Mạnh T4, Lương Văn Đ3, Nguyễn Văn H2, Trần Ngọc T6, Nông Văn B1 qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng tháng 02 năm 2017, Trần Văn D1, Lương Văn Đ1, Cao Đại S1, Cao Tiến Tr3 đã thống nhất tổ chức sỏi bạc cho các con bạc đến tham gia đánh bạc tại khu vực BCh, xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang. Ngày 29 tháng 3 năm 2017, sau khi Đ1, S1, Tr3, Phạm Minh T7, H3, Nguyễn Văn Nh1 ăn cơm trưa và uống rượu tại nhà D1 xong, Đ1, S1 về trước, Trần Văn D1 chuẩn bị công cụ tổ chức đánh bạc gồm ghế nhựa, bát, đĩa, bát, thanh tre làm quân vị và chở đến khu vực khe đốt mìn thuộc BCh, xã CN để tổ chức đánh bạc, trên đường đi D1 phân công H3 trông đường cảnh giới. Trần Văn D1 cũng thừa nhận hành vi cất quân vị làm công cụ đánh bạc. Cao Đại S1 thừa nhận hành vi tổ chức đánh

bạc, trải bạt, xếp ghế, quá trình các đối tượng đánh bạc S1 làm hồ lý, giam tiền của người thua trả cho người thắng, thu tiền hồ của các đối tượng đánh bạc. Lương Văn Đ1 khai nhận hành vi tổ chức đánh bạc, phân công Ng1 trông đường cảnh giới. Nông Văn Ng1 khai nhận hành vi mang bao bạt lên đồi phục vụ sỏi bạc, trông đường cảnh giới. Nguyễn Văn H3 khai nhận hành vi trông đường cảnh giới sỏi bạc. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là **33.750.000** đồng.

- Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Đ1, Cao Đại S1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 điều 249 BLHS 1999; Các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Đ1, Hà Minh Qu1, Lương Văn Kh1, Hoàng Mạnh T4, Lương Văn Đ3, Nguyễn Văn H2, Trần Ngọc T6, Nông Văn B1, phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 BLHS 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy:

1. Đối với bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Đ1: Bị cáo D1 có vai trò chính thực hiện hành vi tích cực, bị cáo chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội và phân công các bị cáo khác tổ chức đánh bạc. Bị cáo thực hiện hai hành vi phạm tội là Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc. Sau vai trò của D1 là vai trò của Đ1, bị cáo Đ1 đã phân công Ng1 trông đường và trực tiếp có mặt tại sỏi bạc, nhận tiền hồ do bị cáo S1 thu. Về tội đánh bạc, bị cáo Lương Văn Đ1 có vai trò chính, tích cực, là người làm bằng vị, cầm bằng vị, thực hiện hành vi đánh bạc, xóc cái thay cho bị cáo Qu1 và bản thân đã sử dụng 2.200.000 đồng để đánh bạc. Các bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội đánh bạc nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo D1, Đ1 thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Sau khi phạm tội, bị cáo D1, Đ1 đã ra đầu thú, bị cáo Đ1 có bố là Lương Văn T2 được tặng bằng khen của Bộ quốc phòng, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Án sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo Đ1, D1 là có căn cứ. Án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt đối với các bị cáo Đ1 và D1 là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết gì mới. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn D1 và Lương Văn Đ1.

2. Đối với bị cáo Cao Đại S1: Thực hiện hành vi tổ chức đánh bạc với vai trò đồng phạm, giúp sức, bị cáo có vai trò sau bị cáo D1 và bị cáo Đ1. Quá trình

điều tra, xét xử bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS 1999. Sau khi án sơ thẩm xử xong bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, đây là tình tiết mới nhưng không phải tình tiết giảm nhẹ. Án sơ thẩm căn cứ vào các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo S1 như vậy là nặng, nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo S1, chỉ cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục chung và phòng ngừa tội phạm.

3. Đối với bị cáo Hà Minh Qu1: Bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc là 2.000.000 đồng, bị cáo tham gia đánh bạc xóc cái một lúc sau đó chuyển cho Đ1. Bị cáo có vai trò sau bị cáo Đ1. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Vì vậy cần áp dụng hình phạt thấp hơn so với bị cáo Đ1. Với vai trò và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Qu1.

4. Đối với bị cáo Lương Văn Kh1: Bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc là 15.000.000 đồng, bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm). Quá trình điều tra, xét xử bị cáo khai báo thành khẩn, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo có bố là Lương Văn S2 được tặng kỷ niệm chương kháng chiến, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 đã được cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo. Án sơ thẩm đã căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (ba) tháng tù là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

5. Đối với các bị cáo Hoàng Mạnh T4 đã sử dụng số tiền là: 500.000 đồng vào việc đánh bạc, trước đây đã bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ hình sự xử phạt bị cáo 06 (Sáu) tháng tù là có căn cứ. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Mạnh T4.

6. Đối với bị cáo Nguyễn Văn H2 đã sử dụng số tiền: 200.000 đồng vào việc đánh bạc, Trần Ngọc T6 đã sử dụng số tiền là: 150.000 đồng vào việc đánh

bạc. Tuy các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc không nhiều nhưng về nhân thân các bị cáo đều đã bị xét xử về Hình sự (bị cáo H2 năm 2010, đã bị xét xử 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo T6 năm 2009, đã bị Tòa án nhân dân huyện YT xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”). Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo H2, T6 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T6 có bố đẻ là Trần Mạnh L2 có Huân chương kháng chiến hạng nhì, bà nội Nông Thị H5 có huy chương hạng ba, ông nội Trần quyết Ch1 được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS1999. Án sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ hình sự xử phạt các bị cáo 05 tháng tù và không cho các bị cáo được hưởng án treo là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo H2 và bị cáo T6.

7. Đối với bị cáo Lương Văn Đ3 đã sử dụng số tiền: 350.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo Nông Văn B1 sử dụng số tiền 150.000 đồng vào việc đánh bạc. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo Đ3 đã ra đầu thú, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, vai trò thứ yếu trong vụ án, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà để cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4]. Án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Cao Đại S1, Hà Minh Qu1, Nông Văn B1, Lương Văn Đ3 được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí HSPT.

Các bị cáo Hoàng Mạnh T4, Nguyễn Văn H2 phải chịu án phí HSPT.

Các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Kh1, Lương Văn Đ1, Trần Ngọc T6 được miễn án phí HSPT.

[5]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Đ1, Lương Văn Kh1, Hoàng Mạnh T4, Trần Ngọc T6, Nguyễn Văn H2. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Đại S1, Hà Minh Qu1, Lương Văn Đ3, Nông Văn B1. Sửa án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 50, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Trần Văn D1 01(Một) năm 04 (Bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt: Trần Văn D1 8 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt, bắt Trần Văn D1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 4 năm 2017 đến 24 tháng 5 năm 2017.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 50, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Lương Văn Đ1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử Phạt: Lương Văn Đ1 01(Một) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Tổng hợp hình phạt bắt Lương Văn Đ1 phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 5 tháng 4 năm 2017 đến ngày 24 tháng 5 năm 2017.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 BLHS 1999;

Xử phạt: Cao Đại S1 01 (Một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 03 tháng 4 năm 2017 đến ngày 20 tháng 5 năm 2017.

Xác nhận bị cáo Cao Đại S1 đã nộp 200.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YT theo biên lai số AA/2012/00235 ngày 24/01/2018.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Lương Văn Kh1 01(Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 đến ngày 20 tháng 5 năm 2017.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Hà Minh Qu1 09 (Chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 đến ngày 07 tháng 4 năm 2017.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Hoàng Mạnh T4 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Nguyễn Văn H2 05 (Năm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Trừ cho bị cáo thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 29 tháng 3 năm 2017 đến ngày 07 tháng 4 năm 2017.

8. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Trần Ngọc T6 05 (Năm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

9. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 60, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Lương Văn Đ3 05 (Năm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

10. Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 60, Điều 45, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999;

Xử phạt: Nông Văn B1 05 (Năm) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 (Một) năm, thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Lương Văn Đ3, Nông Văn B1 cho UBND xã CN, huyện YT, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Án phí: Các bị cáo Cao Đại S1, Hà Minh Qu1, Nông Văn B1, Lương Văn Đa o được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí HSPT.

Các bị cáo Hoàng Mạnh T4, Nguyễn Văn H2 phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

Các bị cáo Trần Văn D1, Lương Văn Kh1, Lương Văn Đ1, Trần Ngọc T6 được miễn án phí HSPT.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS,TA,CA cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các bị cáo;
- Cơ quan thi hành án;
- Lưu HS, TT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Dũng